

THÔNG BÁO

Kết luận thanh tra Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Chi nhánh Ninh Thuận

Ngày 02/01/2025 Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận đã ban hành kết luận thanh tra số 01/KL-TTGS về việc thanh tra Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương chi nhánh Ninh Thuận (VCB Ninh Thuận).

Căn cứ Điều 79 Luật thanh tra năm 2022, Điều 48, Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra, Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận thông báo kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình tổ chức, hoạt động

1. Về cơ cấu tổ chức của ngân hàng

Cơ cấu tổ chức của VCB Ninh Thuận gồm 05 phòng nghiệp vụ tại trụ sở chi nhánh (Ban giám đốc, Phòng khách hàng, phòng dịch vụ khách hàng, Phòng quản lý nợ, Phòng kế toán, Phòng Hành chính Nhân sự Ngân quỹ) và 03 phòng giao dịch Ninh Sơn, Ninh Phước, Tháp Chàm

Đến 30/9/2024, tổng số nhân sự tại VCB Ninh Thuận là 75 cán bộ nhân viên

2. Thông tin chung về tình hình hoạt động đến thời điểm thanh tra

a. Tình hình cho vay

Số liệu cho vay tại các thời điểm trong thời kỳ thanh tra

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	09/2024	Năm 2023 so với 2022		9/2024 so với 2023	
				Tăng/ giảm	%tăng/ giảm	Tăng/ giảm	%tăng/ giảm
1. Dư nợ theo kỳ hạn	4.434.192	5.067.948	5.304.520	633.756	14,29	236.572	4,67
- Cho vay ngắn hạn	2.306.836	3.208.309	3.461.679	901.473	39,08	253.370	7,90
- Cho vay trung, DH	2.127.356	1.859.639	1.842.841	(267.717)	(12,58)	(16.798)	(0,90)
2. Dư nợ theo nhóm	4.434.192	5.067.948	5.304.520	633.756	14,29	236.572	4,67
- Nhóm 1	4.412.431	5.041.323	5.267.042	628.892	14,25	225.719	4,48
- Nhóm 2	8.159	10.123	10.423	1.964	24,07	300	2,96
- Nhóm 3	342	2.539	7.652	2.197	642,40	5.113	201,38
- Nhóm 4	301	1.476	13.113	1.175	390,37	11.637	788,41
- Nhóm 5	12.959	12.487	6.290	(472)	(3,64)	(6.197)	(49,63)
3. Dư nợ theo ngành kinh tế	4.434.192	5.067.948	5.304.520	633.756	14,29	236.572	4,67

- Nông, Lâm, TS	114.763	137.791	184.738	23.028	20,07	46.947	34,07
- Công nghiệp, XD	1.105.911	853.975	1.005.548	(251.936)	(22,78)	151.573	17,75
- TM, DV, TD	3.213.518	4.076.182	4.114.234	862.664	26,84	38.052	0,93
Trong đó: Bất động sản	509.000	430.000	401.880	(79.000)	(15,52)	(28.120)	(6,54)
Tiêu dùng	968.000	983.000	1.019.000	15.000	1,55	36.000	3,66
4. Dự nợ theo loại hình	4.434.192	5.067.948	5.304.520	633.756	14,29	236.572	4,67
- Cty TNHH, CP Nhà nước	26.563	34.227	184.573	7.664	28,85	150.346	439,26
- Cty TNHH, CP tư nhân	1.657.712	1.653.559	1.526.254	(4.153)	(0,25)	(127.305)	(7,70)
- Hộ kinh doanh, cá nhân	2.697.216	3.331.581	3.547.529	634.365	23,52	215.948	6,48
- Khác	52.701	48.581	46.164	(4.120)	(7,82)	(2.417)	(4,98)
5. Phân theo loại tiền	4.434.192	5.067.948	5.304.520	633.756	14,29	236.572	4,67
- Nội tệ	4.305.873	4.955.002	5.200.465	649.129	15,08	245.463	4,95
- Ngoại tệ (quy đổi)	128.319	112.946	104.055	(15.373)	(11,98)	(8.891)	(7,87)

b. Hoạt động bảo lãnh

Số liệu bảo lãnh trong thời kỳ thanh tra

Loại bảo lãnh	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/9/2024
- Bảo lãnh đối ứng	0	0	0
- Xác nhận bảo lãnh	0	0	0
- Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai	0	0	0
- Đồng bảo lãnh	0	0	0
- Bảo lãnh khác	57.920.505.363	50.349.703.202	28.465.300.362
+ Bảo lãnh thanh toán	40.184.890.198	31.067.222.958	26.805.000.000
+ Bảo lãnh dự thầu	120.000.000	1.107.332.047	36.500.000
+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	845.881.186	2.257.793.457	435.328.293
+ Bảo lãnh khác	16.769.733.979	15.917.354.740	1.188.472.069
Tổng cộng	57.920.505.363	50.349.703.202	28.465.300.362

- Số dư bảo lãnh tại thời điểm 30/9/2024 là 28.465 triệu đồng, so với năm 2022 giảm 29.455 triệu đồng (-51%) và so với năm 2023 giảm 21.884 triệu đồng (- 43%)

- Các khoản bảo lãnh VCB Ninh Thuận phải trả thay đến thời điểm thanh tra: Chưa phát sinh.

c. Hoạt động nghiệp vụ thư tín dụng

Trong thời kỳ thanh tra, VCB Ninh Thuận thực hiện hoạt động thư tín dụng cho 01 khách hàng là công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt, may mặc. Hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành.

Số dư đến 30/9/2024 là 29.448 triệu đồng giảm so với năm 2022 là 27.131 triệu đồng (-48%). Năm 2023 không phát sinh số dư thư tín dụng.

d. Nghiệp vụ phát hành thẻ tín dụng

Hồ sơ phát hành thẻ tại VCB Ninh Thuận gồm 3.325 bộ với tổng dư nợ là 42.240 triệu đồng.

e. Chất lượng tín dụng

- Nợ nhóm 2 đến thời điểm 30/9/2024 là 10.423 triệu đồng chiếm tỷ trọng 0,2% tổng dư nợ, tăng 300 triệu đồng (+3%) so với cuối năm 2023. Trong đó nợ nhóm 2 tại đơn vị với dư nợ là 2.912 triệu đồng và nợ do tham chiếu từ CIC với dư nợ là 7.511 triệu đồng

Nguyên nhân khách hàng quá hạn thời gian trả nợ chủ yếu do hoạt động sản xuất kinh doanh trì trệ, nguồn thu bị chậm thanh toán từ phía đối tác kéo theo khách vay không đảm bảo được nguồn trả nợ ngân hàng đúng kỳ hạn.

- Tại thời điểm 30/9/2024, nợ xấu là 27.055 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,52% so với tổng dư nợ chi nhánh, tăng 10.553 triệu đồng (+64%) so với năm 2023 và so với năm 2022 tăng 13.453 triệu đồng (+99%); trong đó nợ kéo theo CIC là 527 triệu đồng chiếm 14,37% tổng nợ xấu.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Thanh tra hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng

1.1. Đối với hoạt động cho vay

1.1.1. Việc ban hành các chính sách quy định nội bộ về hoạt động cho vay đối với khách hàng

Trong thời kỳ thanh tra, Chi nhánh thực hiện theo các văn bản quy định nội bộ, hướng dẫn khung về hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân và tổ chức do Hội sở VCB ban hành trong từng thời kỳ. Qua kiểm tra cho thấy, nội dung các văn bản cơ bản phù hợp với quy định hiện hành của NHNN và pháp luật liên quan

1.1.2. Kết quả kiểm tra hồ sơ cho vay đối với các khách hàng được lựa chọn thanh tra

Qua kiểm tra hồ sơ cho vay của 155 khách hàng với tổng dư nợ là 1.836.043 triệu đồng nhận thấy:

1.1.2.1. Mặt được

Chi nhánh thực hiện đầy đủ hồ sơ cần thiết trong quá trình vay vốn. Tùy theo đối tượng khách hàng, loại cho vay và phương thức vay vốn mà thành phần hồ sơ vay vốn khác nhau nhưng một cách chung nhất bộ hồ sơ vay vốn được lưu trữ bao gồm các nhóm hồ sơ pháp lý; hồ sơ kinh tế; hồ sơ cho vay như Phương án sử dụng vốn, thông

tin CIC, báo cáo đề xuất cho vay, hợp đồng tín dụng, báo cáo đề xuất giải ngân, giấy nhận nợ, các tài liệu chứng từ chứng minh sử dụng vốn,...; hồ sơ tài sản bảo đảm (giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, hợp đồng thế chấp/cầm cố bảo đảm tiền vay, hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm, biên bản định giá TSBD, phiếu nhập kho TSBD,...); hồ sơ sau giải ngân (Biên bản kiểm tra sử dụng vốn);...

1.1.2.2 Tồn tại, hạn chế qua thanh tra

a. Về thẩm định điều kiện vay vốn

- Chưa có đầy đủ các thông tin, tài liệu chứng minh các chỉ tiêu tài chính của phương án để làm cơ sở thẩm định, đề xuất mức cho vay; Chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh địa điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng, các tài liệu khác có liên quan đến ngành nghề kinh doanh của khách hàng;

- Nội dung thẩm định chưa chặt chẽ: số liệu thẩm định chưa nhất quán; Chưa đánh giá chi tiết, cụ thể phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng khi tăng hạn mức tín dụng; nội dung thẩm định tại báo cáo chưa phù hợp với thực tế sử dụng vốn của khách hàng; chưa tính toán chi phí trả lãi từ các khoản vay tại TCTD khác

- Xác định nhu cầu vốn, vốn vay chưa chính xác:

Chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN (Thông tư 39) “*Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:3. Có phương án sử dụng vốn khả thi*” và khoản 1 Điều 17 Thông tư 39 “*thẩm định và quyết định cho vay: Tổ chức tín dụng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để xem xét quyết định cho vay. Trong quá trình thẩm định, tổ chức tín dụng được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác*”.

b. Xác định thời hạn cho vay chưa phù hợp với chu kỳ vốn, vòng quay vốn lưu động theo báo cáo thẩm định:

Chưa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư 39 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng căn cứ vào chu kỳ hoạt động kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay và thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức tín dụng để thỏa thuận về thời hạn cho vay*”

c. Về chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay

- Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa hợp lý, hợp lệ, chưa có độ tin cậy: Khách hàng kinh doanh vật các mặt hàng mà khi mua hàng hóa phải xuất hóa đơn theo quy định. Nhưng chứng từ lưu tại hồ sơ tín dụng là các phiếu mua hàng do khách hàng tự lập, không có chữ ký của bên bán hàng, chỉ ghi nhận là bán qua điện thoại.

- Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa phù hợp theo nội dung thẩm định ban đầu

- Chưa có đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích vay vốn

- Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa có đầy đủ các nội dung cần thiết

Chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “*khách hàng cung cấp thông tin cho TCTD và chịu trách nhiệm báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong thỏa thuận cho vay*”

d. Về giải ngân khoản vay:

VCB Ninh Thuận đã giải ngân khoản vay vào tài khoản thanh toán của đối tượng thụ hưởng, tuy nhiên việc giải ngân này khi chưa có cơ sở xác định đối tượng thụ hưởng; giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng chưa phù hợp với các đối tác cung cấp sản phẩm đã được ngân hàng thẩm định, đánh giá tại báo cáo đề xuất cho vay

Chưa thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 21 “*Xem xét quyết định việc áp dụng phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán do khách hàng cung cấp và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;...*”

e. Về kiểm tra giám sát vốn vay: Chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh số liệu thực tế tại thời điểm kiểm tra. Việc kiểm tra giám sát chưa kịp thời theo quy định nội bộ của VCB:

Chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Các tổ chức tín dụng hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 “*3. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng*”; khoản 2 Điều 24 Thông tư 39 và và Khoản 8, Điều 1, Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư 39 “*Tổ chức tín dụng có quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ của khách hàng theo quy trình nội bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư này*”

1.2. Đối với hoạt động bảo lãnh

a. Quy định nội bộ về hoạt động bảo lãnh

Hội sở VCB ban hành Quyết định 618/QĐ-HĐQT-QLRRTD ngày 28/3/2023 quy định về bảo lãnh đối với khách hàng để áp dụng thống nhất trong hệ thống VCB. Nội dung của quyết định phù hợp với Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng (Thông tư 11).

Trách nhiệm giữa khâu thẩm định và xét duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện theo quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng của VCB.

b. Việc chấp hành quy định pháp luật đối với hồ sơ cấp bảo lãnh

Qua chọn mẫu thanh tra 14 bộ hồ sơ bảo lãnh của 08 khách hàng với tổng số dư là 26.470 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 92,99% tổng số dư bảo lãnh tại thời điểm 30/9/2024 cho thấy:

- VCB Ninh Thuận đã thực hiện cấp bảo lãnh cho khách hàng đúng theo quy định tại Thông tư 11 và Quyết định 618/QĐ-HĐQT-QLRRTD ngày 28/3/2023 của Hội sở VCB quy định về bảo lãnh đối với khách hàng

- Trong thời kỳ thanh tra, VCB Ninh Thuận chưa phát sinh nghĩa vụ trả thay khách hàng/khách hàng nhận nợ bắt buộc đối với các khoản cam kết bảo lãnh.

1.3. Đối với hoạt động cấp tín dụng thông qua phát hành thư tín dụng

a. Quy định nội bộ về hoạt động thư tín dụng

Hội sở VCB đã ban hành quy trình nghiệp vụ thư tín dụng chứng từ kèm theo quyết định số 2196/QĐ-VCB-TTTTTM ngày 16/11/2018 và quyết định số 892/QĐ-VCB-TTTTTM ngày 4/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình nghiệp vụ thư tín dụng chứng từ ban hành kèm theo Quyết định số 2196/QĐ-VCB-TTTTTM

Ngày 28/6/2024, NHNN ban hành Thông tư 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2024. Trên cơ sở đó ngày 1/7/2024, Hội sở VCB đã ban hành quyết định 1146/QĐ-HĐQT-QLRRTD quy định về nghiệp vụ thư tín dụng đối với khách hàng.

b. Việc chấp hành quy định pháp luật đối với hồ sơ tín dụng

Kiểm tra 02 bộ hồ sơ phát hành thư tín dụng của 01 khách hàng với tổng số dư là 29.448 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 100% tổng số dư nghiệp vụ thư tín dụng tại thời điểm 30/9/2024 cho thấy:

- Ngày 18/5/2024, VCB Ninh Thuận và khách hàng ký hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 013/NTH/2024/CTD.LC, theo đó hạn mức phát hành thư tín dụng là 125 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức phát hành thư tín dụng là 12 tháng.

- Ngày 29/7/2024, VCB Ninh Thuận phát hành 02 thư tín dụng, 01 thư tín dụng có thời hạn 09 tháng số dư 16.755 triệu đồng, 01 thư tín dụng có thời hạn 12 tháng số dư 12.692 triệu đồng, tổng số dư phát hành L/C là 29.448 triệu đồng, mục đích phát hành thư tín dụng cho khách hàng vay phục vụ mua máy móc thiết bị. Số tiền cấp tín dụng phù hợp Hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và có phương thức thanh toán phù hợp

- Hồ sơ phát hành L/C gồm: giấy đề nghị phát hành, Hợp đồng ngoại thương

1.4. Đối với hoạt động cho vay thông qua phát hành thẻ tín dụng

a. Việc chấp hành các quy định trong hoạt động cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành thẻ tín dụng

VCB Ninh Thuận thực hiện cấp tín dụng cho khách hàng thông qua nghiệp vụ phát hành thẻ tín dụng theo quy định tại Quyết định số 67/QĐ-VCB-TTTHE ngày 14/01/2014 v/v ban hành Quy định về phát hành thẻ tín dụng cá nhân theo hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ (Quyết định 67), Quyết định số 707/QĐ-VCB-

TTT ngày 30/5/2017 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 67 và Bộ quy định về hoạt động thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 1633/QĐ-VCB-PTSPBL ngày 26/8/2024

b. Việc chấp hành các quy định thông qua kiểm tra hồ sơ cho vay

Kiểm tra 10 hồ sơ phát hành thẻ tín dụng của VCB Ninh Thuận với dư nợ 1.376 triệu đồng nhận thấy hồ sơ đầy đủ hồ sơ pháp lý, hồ sơ cấp tín dụng và hồ sơ tài chính của khách hàng. Các bộ hồ sơ sử dụng đúng mẫu biểu của VCB quy định trong từng thời kỳ.

2. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

a. Phân loại nợ

VCB Ninh Thuận thực hiện phân loại nợ theo Quy định chính sách phân loại tài sản có, mức trích lập, phương pháp trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý tổn thất đối với tài sản là khoản nợ của VCB số 1674/QĐ-HĐQT-QLRRTD ngày 29/9/2021 (Quy định 1674); Quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của VCB số 1506/QyĐ-HĐQT-QLRRTD ngày 01/7/2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) và Quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý tổn thất đối với tài sản là khoản nợ trong hoạt động của VCB số 1507/QyĐ-HĐQT-QLRRTD ngày 11/7/2024 có hiệu lực kể từ ngày 11/7/2024 (Quy định 1507)

b. Trích lập dự phòng

- Về tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro:

+ Dự phòng chung: thực hiện trích lập 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 theo đúng quy định tại Điều 11 Quy định 1674, Điều 9 Quy định 1507

+ Dự phòng cụ thể: thực hiện quy định tại Điều 12 Quy định 1674, Điều 6, 7, 8 Quy định 1507

- Về hạch toán dự phòng rủi ro: VCB Ninh Thuận thực hiện hạch toán số tiền trích lập, sử dụng, bổ sung, hoàn nhập dự phòng cụ thể và dự phòng chung theo các quy định của pháp luật về chế độ hạch toán kế toán và theo hướng dẫn của VCB HSC.

c. Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro

Từ năm 2022 đến 30/9/2024, VCB Ninh Thuận sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với 15 khách hàng với dư nợ 17.901 triệu đồng.

Lũy kế, VCB Ninh Thuận đã thu hồi được 683 triệu đồng từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro.

3. Thanh tra chấp hành một số quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối trong hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài, nhận tiền từ nước ngoài về Việt Nam đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; hoạt động vay trả nợ nước ngoài

VCB Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1125/QĐ-VCB.TTTT ngày 30/6/2021 quy định về thực hiện quản lý ngoại hối đối với các giao dịch thanh toán, chuyển tiền áp dụng thống nhất trong hệ thống. Theo đó, các quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài, nhận tiền từ nước ngoài về Việt Nam đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; hoạt động vay trả nợ nước ngoài được VCB ban hành phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam tại các Thông tư 06/2019/TT-NHNN ngày 26/6/2019, 12/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 và 05/2014/TT-NHNN ngày 12/3/2014.

- Đoàn thanh tra đã kiểm tra sao kê tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (đồng thời là tài khoản vay trả nợ nước ngoài nếu có) của 06 Tổ chức kinh tế có phát sinh hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài, nhận tiền từ nước ngoài về Việt Nam và hoạt động vay trả nợ nước ngoài từ 01/01/2022 đến 30/9/2024.

Kết quả kiểm tra, các giao dịch phát sinh qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (đồng thời là tài khoản vay trả nợ nước ngoài nếu có) của các Tổ chức kinh tế từ 01/01/2022 đến 30/9/2024 chủ yếu là các giao dịch vay nợ nước ngoài, rút vốn khoản vay, chuyển trả nợ gốc và lãi. Chưa phát hiện những giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 06/2019/TT-NHNN ngày 26/6/2019

- Chọn mẫu kiểm tra sao kê tài khoản thanh toán thông thường VNĐ của 02 tổ chức có phát sinh hoạt động vay trả nợ nước ngoài từ 01/01/2022 đến 30/9/2024, kết quả không phát sinh giao dịch vay và trả nợ nước ngoài thông qua tài khoản thanh toán thông thường của khách hàng.

- Chọn mẫu một số chứng từ kế toán chuyển trả nợ gốc và lãi các khoản vay nước ngoài:

Qua kiểm tra, nhận thấy đối với các giao dịch chuyển tiền đi nước ngoài trên 500.000 USD, Phòng dịch vụ khách hàng thực hiện trình Ban giám đốc VCB Ninh Thuận phê duyệt. Trên lệnh chuyển tiền có thể hiện đầy đủ nội dung chuyển trả gốc hay lãi khoản vay trả nợ nước ngoài. Đồng thời VCB Ninh Thuận đã thu thập đầy đủ văn bản xác nhận đăng ký/đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền ban hành và hợp đồng vay trả nợ nước ngoài để kiểm tra trước khi chuyển cho bên thụ hưởng đảm bảo đúng số tiền và đúng đối tượng thụ hưởng.

Kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý ngoại hối trong hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài, nhận tiền từ nước ngoài về Việt Nam đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; hoạt động vay trả nợ nước ngoài: chưa phát hiện sai phạm.

4. Việc thực hiện kết luận, kiến nghị, khắc phục chỉnh sửa sau thanh tra tại các kỳ thanh tra trước

Đến thời điểm ban hành Kết luận thanh tra, VCB Ninh Thuận đã hoàn thành các kiến nghị chỉnh sửa sau thanh tra của các kỳ thanh tra trước

III. Kết luận về những nội dung đã tiến hành thanh tra

1. Kết quả đạt được

Chấp hành các quy định trong hoạt động cho vay, bảo lãnh, cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành thư tín dụng, nghiệp vụ phát hành thẻ; chấp hành các quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài, nhận tiền từ nước ngoài về Việt Nam đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; hoạt động vay trả nợ nước ngoài

2. Hạn chế, sai phạm qua thanh tra

2.1. Về thẩm định điều kiện cho vay

Có 18 hồ sơ vay vốn còn tồn tại, hạn chế với tổng dư nợ là 156.486 triệu đồng. Cụ thể chi tiết gồm:

a. Chưa có đầy đủ các thông tin, tài liệu chứng minh các chỉ tiêu tài chính của phương án để làm cơ sở thẩm định, đề xuất mức cho vay; Chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh địa điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng, các tài liệu khác có liên quan đến ngành nghề kinh doanh của khách hàng: Gồm 12 khách hàng dư nợ 108.686 triệu đồng

b. Nội dung thẩm định chưa chặt chẽ: số liệu thẩm định chưa nhất quán; Chưa đánh giá chi tiết, cụ thể phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng khi tăng hạn mức tín dụng; nội dung thẩm định tại báo cáo chưa phù hợp với thực tế sử dụng vốn của khách hàng; chưa tính toán chi phí trả lãi từ các khoản vay tại TCTD khác: Gồm 07 khách hàng dư nợ 51.800 triệu đồng

c. Xác định nhu cầu vốn, vốn vay chưa chính xác: gồm 01 khách hàng dư nợ 6.700 triệu đồng

Chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN (Thông tư 39) “*Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:3. Có phương án sử dụng vốn khả thi*” và khoản 1 Điều 17 Thông tư 39 “*thẩm định và quyết định cho vay: Tổ chức tín dụng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để xem xét quyết định cho vay. Trong quá trình thẩm định, tổ chức tín dụng được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác*”.

Nguyên nhân: do khối lượng công việc nhiều và số lượng khách hàng phải quản lý tương đối lớn nên cán bộ tín dụng của VCB không có thời gian tìm hiểu kỹ về hoạt động kinh doanh của khách hàng dẫn đến việc thẩm định còn chưa chi tiết, cụ thể. Đồng thời, khách hàng là cá nhân kinh doanh nên sổ sách ghi chép sơ sài, không thể hiện được các nội dung theo yêu cầu của ngân hàng.

Trách nhiệm: thuộc về cán bộ tín dụng

2.2. Xác định thời hạn cho vay chưa phù hợp với chu kỳ vốn, vòng quay vốn lưu động

Ngân hàng xác định chu kỳ vốn kinh doanh của khách hàng là 6 tháng, 9 tháng và trên cơ sở này đã xác định nhu cầu vốn lưu động. Nhưng khi xác định thời gian vay vốn của từng giấy nhận nợ lại là 9 tháng, 12 tháng: gồm 05 khách hàng dư nợ 51.850 triệu đồng

Chưa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư 39 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng căn cứ vào chu kỳ hoạt động kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay và thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức tín dụng để thỏa thuận về thời hạn cho vay*”

Nguyên nhân: do cán bộ tín dụng chưa nghiên cứu kỹ các quy định về cho vay để đề xuất thời hạn cho vay theo đúng quy định nội bộ. Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh của khách hàng có thời điểm tích trữ hàng hoặc không bán được hàng nên CBTD đã đề xuất cho vay chưa phù hợp theo thời gian vòng quay vốn.

Trách nhiệm: thuộc về cán bộ tín dụng

2.3. Về chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay

Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa hợp lý, hợp lệ, chưa có độ tin cậy: Khách hàng kinh doanh vật các mặt hàng mà khi mua hàng hóa phải xuất hóa đơn theo quy định. Nhưng chứng từ lưu tại hồ sơ tín dụng là các phiếu mua hàng do khách hàng tự lập, không có chữ ký của bên bán hàng, chỉ ghi nhận là bán qua điện thoại. Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa phù hợp theo nội dung thẩm định ban đầu. Chưa có đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích vay vốn. Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn chưa có đầy đủ các nội dung cần thiết

Gồm 15 khách hàng dư nợ 91.841 triệu đồng

Chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “*khách hàng cung cấp thông tin cho TCTD và chịu trách nhiệm báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong thỏa thuận cho vay*”

Nguyên nhân: do cán bộ tín dụng kiểm tra chưa kỹ, chưa hướng dẫn khách hàng cung cấp đầy đủ chứng từ đúng theo quy định cũng như chưa kiên quyết khi yêu cầu khách hàng cung cấp hóa đơn chứng từ

Trách nhiệm: thuộc về cán bộ tín dụng

2.4. Về giải ngân khoản vay:

VCB Ninh Thuận đã giải ngân khoản vay vào tài khoản thanh toán của đối tượng thụ hưởng, tuy nhiên việc giải ngân này khi chưa có cơ sở xác định đối tượng thụ hưởng; giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng chưa phù hợp theo các đối tác cung cấp sản phẩm đã được ngân hàng thẩm định, đánh giá tại báo cáo đề xuất cho vay: Gồm 03 khách hàng dư nợ 19.450 triệu đồng

Chưa thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 21 “*Xem xét quyết định việc áp dụng phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán do khách hàng cung cấp và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;...*”

* Nguyên nhân tồn tại: cán bộ tín dụng chưa có sự kiểm tra kỹ chứng từ do khách hàng cung cấp, đối chiếu với các thông tin thẩm định ban đầu để làm rõ đối tượng thụ hưởng

* Trách nhiệm: cán bộ tín dụng.

2.5. Về kiểm tra giám sát vốn vay:

Chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh số liệu thực tế tại thời điểm kiểm tra. Nội dung tại biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay chưa chặt chẽ, chưa thể hiện tình hình sử dụng vốn của khách hàng như (giá trị nguyên vật liệu, hàng tồn kho...). Việc kiểm tra giám sát chưa kịp thời theo quy định nội bộ của VCB: Đối với các khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh sử dụng phương thức giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng vay. VCB Ninh Thuận chưa kịp thời thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay lần đầu chậm nhất vào tháng liền kề sau tháng giải ngân khoản vay, chưa đúng với quy định tại Tiết 2.1 điểm 2 mục V Công văn 730/VCB-QLRRTD ngày 02/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam “*đơn vị phải kiểm tra sử dụng vốn vay đầu tiên đối với khoản giải ngân vốn cho vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào TKTT của khách hàng vay chậm nhất vào tháng liền kề sau tháng giải ngân khoản vay. Các lần kiểm tra sử dụng vốn vay tiếp theo được thực hiện định kỳ theo quy định/quy trình tín dụng hiện hành của VCB*”

Gồm 09 khách hàng dư nợ 42.187 triệu đồng

Chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Các tổ chức tín dụng hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 “3. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng”; khoản 2 Điều 24 Thông tư 39 “*Tổ chức tín dụng có quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ của khách hàng theo quy trình nội bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư này*”; Khoản 8, Điều 1, Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư 39; Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024

* Nguyên nhân tồn tại: Do số lượng khách hàng vay vốn nhiều, nên đôi khi việc ghi nhận biên bản kiểm tra giám sát vốn vay một số khách hàng còn chưa đầy đủ, cán bộ tín dụng chưa nghiên cứu kỹ quy định nội bộ nên việc kiểm tra sử dụng vốn chưa đảm bảo thời gian.

* Trách nhiệm: Cán bộ tín dụng.

IV. Khuyến nghị: Đối với khách hàng vay tại VCB Ninh Thuận có vay vốn tại các TCTD khác, khuyến nghị VCB Ninh Thuận kiểm soát được dòng tiền của khách hàng tương ứng với dư nợ vay; đồng thời, thận trọng khi giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng để tránh cho vay trùng lặp với các TCTD khác.

V. Kiến nghị biện pháp xử lý

Chánh thanh tra, giám sát NHNN chi nhánh tỉnh yêu cầu VCB Ninh Thuận thực hiện các kiến nghị như sau:

1. Chấn chỉnh trong công tác thẩm định và phê duyệt tín dụng:

Đề nghị VCB Ninh Thuận cần bổ sung đầy đủ các thông tin, tài liệu chứng minh các chỉ tiêu tài chính theo nội dung đã thẩm định; tài liệu chứng minh địa điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng, các tài liệu khác có liên quan đến ngành nghề kinh doanh của khách hàng

Đối với các tồn tại về nội dung thẩm định chưa chặt chẽ đề nghị VCB Ninh Thuận nghiêm túc rút kinh nghiệm; nâng cao chất lượng công tác thẩm định tín dụng; trong các lần thẩm định khoản vay tiếp theo cần chú trọng hơn nữa trong phân tích thẩm định các yếu tố đầu vào và đầu ra của dự án, các chỉ tiêu tài chính để phản ánh đúng tình hình tài chính của khách hàng; cần thu thập đầy đủ các thông tin tài liệu của phương án vay vốn để làm cơ sở xác định nhu cầu vốn vay; cần khảo sát, thu thập thông tin khách hàng chặt chẽ hơn để đảm bảo nội dung thẩm định có sự phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của khách hàng.

Đối với khoản vay của 01 khách hàng xác định nhu cầu vốn chưa chính xác, đề nghị đơn vị đánh giá phân tích lại, trên cơ sở đó đề xuất cấp hạn mức tín dụng phù hợp với nhu cầu vay vốn của khách hàng

2. Rút kinh nghiệm và đề nghị VCB Ninh Thuận trong các lần giải ngân khoản vay tiếp theo cần nghiên cứu kỹ lĩnh vực ngành/ngành kinh doanh cũng như nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng để có thể thẩm định chu kỳ kinh doanh chính xác và từ đó đề xuất thời gian vay vốn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư 39.

3. Rút kinh nghiệm và cần hướng dẫn khách hàng cung cấp các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay đảm bảo đầy đủ các nội dung phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư 39.

Đối với các khách hàng chưa có đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích vay vốn đề nghị VCB Ninh Thuận thu thập, bổ sung đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn

4. Rút kinh nghiệm khi thực hiện giải ngân khoản vay; cần rà soát, đối chiếu kiểm tra các tài liệu do khách hàng cung cấp với các thông tin đã thẩm định ban đầu; thu thập đầy đủ chứng từ, tài liệu để xác định đúng đối tượng thụ hưởng khi giải ngân cho khách hàng

5. Rút kinh nghiệm và cần quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay; thực hiện kiểm tra hoạt động kinh doanh của khách hàng theo đúng quy định nội bộ VCB để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của khách hàng, khả năng tài chính, hiện trạng tài sản... đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích. Đồng thời, có các biện pháp kịp thời trong trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích.

Thu thập đầy đủ các tài liệu chứng minh số liệu thực tế tại thời điểm kiểm tra

Nội dung trên biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay cần phải đánh giá chi tiết cụ thể tình hình sử dụng vốn của khách hàng như giá trị nguyên vật liệu, hàng tồn kho...

Trên đây là Kết luận Thanh tra một số nội dung hoạt động tại VCB Ninh Thuận, yêu cầu Giám đốc VCB Ninh Thuận và các cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện việc khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra này; thời gian hoàn thành việc khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị sau thanh tra chậm nhất đến ngày 05/02/2025 và có báo cáo kết quả thực hiện chỉnh sửa các kiến nghị theo Kết luận thanh tra sau 05 ngày kể từ ngày hoàn thành việc khắc phục chỉnh sửa. Báo cáo phải đính kèm tài liệu chứng từ chứng minh việc khắc phục và gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận (qua Thanh tra, giám sát Ngân hàng)/.

Nơi nhận:

- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Hồ sơ Thanh tra.

**CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT
NHNN CHI NHÁNH TỈNH NINH THUẬN**



Lê Thị Ngọc Loan